

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Xa Thị Thu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Ngô Duy N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh N đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Xa Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Ngô Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú

Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về lối sống nên không bảo ban được nhau. Từ tháng 9/2023 cho đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Đ, xã T ở, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 và Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm giáo viên tại Trường tiểu học P1, chị có thời gian để chăm con và có thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ, chị ở cùng nhà bố mẹ đẻ là bà Lê Thị Minh T, mẹ chị có nhà cửa đất đai ổn định. Vì vậy, chị đề nghị giao cả hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Ngô Duy N*: Tại bản tự khai ngày 20/6/2024 và tại phiên tòa anh N trình bày: Anh và chị Xa Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 9/2023 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Đ, xã T ở, vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 và Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016. Nhà anh và nhà chị H ở gần nhau, cách nhau khoảng 300m nên các con chung của anh chị lúc thì ở cùng chị H, lúc thì ở nhà anh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và nhất trí giao cháu Y cho chị H được nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện nay anh làm lao động tự do thu nhập từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra khi anh đi làm còn có sự giúp đỡ của mẹ đẻ anh là bà Đặng Thị S giúp anh trong việc chăm sóc con. Anh ở cùng mẹ anh, mẹ anh có đất đai nhà cửa ổn định đủ điều kiện để nuôi cháu L. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh N không yêu cầu giải quyết.

3, *Nguyên vọng của cháu Ngô Duy Bảo L và cháu Ngô Bảo Y*: Tại bản tự khai ngày 06/6/2024 cháu L, cháu Y đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của các cháu xin được ở với mẹ.

4, *Tại bản tự khai ngày 14/3/2020 bà Đặng Thị S (mẹ đẻ anh N) trình bày*: Anh N và chị H đăng ký kết hôn năm 2013. Anh chị chung sống cùng nhau hạnh phúc và sinh được hai người con là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 và Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016. Trong một năm qua anh chị xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị H xin ly hôn. Khi anh chị nói là ly hôn bà đã không đồng ý nên đã tổ chức họp gia đình để động viên anh chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục chung sống với nhau để nuôi dạy con cái nhưng chị H dứt khoát không nghe, tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị H xin ly hôn anh N bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được nuôi dưỡng chăm sóc cháu L. Anh nhu làm lao động tự do có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con, gia đình bà có nhà cửa đất đai ổn định. Còn việc ly hôn của anh chị bà không can thiệp.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tam Sơn ngày 11/3/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ tháng 9/2023 chị H đã về nhà bố mẹ chị H ở khu Đ, xã T ở, khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được, chị H không quay về chung sống cùng anh N nữa. Chị H và anh N có hai con chung là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 và Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016. Nay chị H xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Xa Thị Thu H và anh Ngô Duy N.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày

09/9/2013 cho anh Ngô Duy N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016 cho chị Xa Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Y thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H, anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Xa Thị Thu H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Ngô Duy N phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Ngô Duy N có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh N là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H và anh N đều xác nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về lối sống nên không bao ban được nhau. Từ tháng 9/2023 cho đến nay, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Đ, xã T ở, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm không còn nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh N đồng ý. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh N nhất trí

thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 và Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016. Khi ly hôn chị H xin được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh N đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và nhất trí giao cháu Y cho chị H được nuôi dưỡng. Không nên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét yêu cầu về nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc giao con cho ai phải căn cứ vào điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành. Chị H, anh N có hai con chung, anh chị đều có công việc, có thu nhập, đều có sự chăm sóc giúp đỡ của gia đình hai bên. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cần giao cháu L cho anh N được nuôi dưỡng và giao cháu Y cho chị H được nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H, anh N mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Xa Thị Thu H và anh Ngô Duy N.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô Duy Bảo L, sinh ngày 09/9/2013 cho anh Ngô Duy N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Ngô Bảo Y, sinh ngày 19/01/2016 cho chị Xa Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Y thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Xa Thị Thu H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004780 ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị H 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Ngô Duy N phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền